

Bản án số: 1642/2017/DS-ST
Ngày: 19-12-2017
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Cảnh**
2/ Ông **Tạ Quang Việt**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thanh Hương** - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2016/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2016, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2610/2017/QĐST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Thanh H**, sinh năm 1936;

Địa chỉ: 344 đường D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H có ông **Kim Ron T**, sinh năm 1976; (Có mặt)

Địa chỉ: 200/19 đường T, phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Hợp đồng uỷ quyền số 00015759 ngày 10/11/2015 tại Văn phòng công chứng T)

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Trường A**, sinh năm 1973; (Vắng mặt)

Địa chỉ: 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông **Phạm Trường G**, sinh năm 1970; (Có mặt)

3.2 Bà **Phạm Thị Thanh N**, sinh năm 1971; (Có mặt)

3.3 Bà **Phạm Thị Thanh N1**, sinh năm 1972; (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4 Bà **Phạm Thị Thanh L**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 9225 đang cư trú tại Hoa Kỳ.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà L có bà **Phạm Thị Thanh N**, sinh năm 1971; (Có mặt)

Địa chỉ: 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Hợp đồng uỷ quyền số 000805 ngày 07/6/2016 tại Văn phòng công chứng B)

3.5 Ông **Phạm Quang Q**, sinh năm 1995; (Có mặt)

3.6 Bà **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1972; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H có người đại diện theo uỷ quyền là ông Kim Ron T trình bày:

Bà Trần Thị Thanh H và ông Phạm Văn V (chết ngày 03/7/2013) là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Ông V và bà H có tổng cộng 05 người con gồm: Ông Phạm Trường G, bà Phạm Thị Thanh N, bà Phạm Thị Thanh N1, ông Phạm Trường A, bà Phạm Thị Thanh L (bà L đang định cư ở Hoa Kỳ).

Quá trình sinh sống chung, ông V và bà H có tạo lập được tài sản là nhà và đất tại 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 019447, sổ vào sổ cấp GCN: CH00711 do Ủy ban nhân dân quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2012 cho ông V và bà H đứng tên.

Năm 2013, ông V chết không để lại di chúc. Năm 2015, bà H có lập thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông Phạm Trường A không đồng ý ký vào văn bản khai nhận di sản thừa kế nên phát sinh tranh chấp.

Nay, nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn V là phần quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở tọa lạc tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cho những người những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: Bà Trần Thị Thanh H, ông Phạm Trường G, bà Phạm Thị Thanh N, bà Phạm Thị Thanh N, ông Phạm Trường A và bà Phạm Thị Thanh L, mỗi người được hưởng 1/6 di sản.

Nguyên đơn đồng ý với giá trị tài sản của toàn bộ nhà đất tại 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản định giá ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 6.525.969.189 đồng.

Phần của bà H được hưởng 1/2 giá trị tài sản là: 3.262.984.594,5 đồng. 1/2 giá trị tài sản còn lại là di sản của ông V để lại không có di chúc là: 3.262.984.594,5 đồng được chia đều theo pháp luật cho 06 người thừa kế gồm bà H và 05 người con là ông G, ông A, bà L, bà N và bà N1, mỗi người được hưởng là 543.830.765 đồng. Như vậy, phần giá trị tài sản bà H được hưởng là 3.806.815.359 đồng.

Do bà H được hưởng hơn 1/2 giá trị nhà nên bà H yêu cầu được quản lý, sở hữu và được quyền bán căn nhà 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí

Minh và có trách nhiệm thanh toán lại phần giá trị thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại gồm bà N, ông G, ông A, bà N1 và bà L mỗi người được hưởng là 543.830.765 đồng. Đối với phần thừa kế của bà L đang ở nước ngoài giao cho bà H quản lý và có trách nhiệm giao lại cho bà L. Bà H yêu cầu chia bằng giá trị, yêu cầu những người đang ở trong nhà giao lại nhà cho bà H để bà H bán và chia tài sản theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 03/4/2017, bị đơn ông Phạm Trường A trình bày:

Ông A xác nhận nhà và đất tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là do cha mẹ ông là ông Phạm Văn V (chết ngày 03/7/2013) và bà Trần Thị Thanh H tạo lập và được Ủy ban nhân dân quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 14/9/2012. Ông V và bà H có tổng cộng 05 người con gồm: ông Phạm Trường G, bà Phạm Thị Thanh N, bà Phạm Thị Thanh N1, ông Phạm Trường A, bà Phạm Thị Thanh L.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý bán căn nhà địa chỉ số 344 D, phường H, quận E để chia thừa kế vì hiện tại ông đang ở tại nhà đất trên, ông yêu cầu chia ông một khoản đất trên diện tích nhà đất đang ở để thờ phụng cha mẹ, ông có tự sửa chữa nhỏ trong nhà nhưng không có yêu cầu về tiền sửa chữa nhà, tiền đóng góp và tiền mai táng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Trường G trình bày:

Ông là con ruột ông Phạm Văn V và bà Trần Thị Thanh H. Ông V chết vào năm 2013 và không để lại di chúc.

Nhà và đất tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là của ông V và bà H tạo lập. Ông V và bà H có 05 người con bao gồm: Phạm Trường G, Phạm Thị Thanh N, Phạm Thị Thanh N1, Phạm Trường A và Phạm Thị Thanh L. Gia đình ông G cùng vợ con là bà Nguyễn Ngọc M và ông Phạm Quang Q, có đăng ký hộ khẩu nhưng có nơi ở khác. Ông không có công sức đóng góp sửa chữa nhà và các khoản khác nên không có yêu cầu tranh chấp.

Ông đồng ý với giá trị nhà và đất tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định theo Biên bản định giá ngày 29/3/2017 là 6.525.969.189 đồng. Trường hợp chia thừa kế đối với di sản của ông V là 1/2 giá trị nhà đất trên thì ông đồng ý để cho mẹ ông là bà Trần Thị Thanh H toàn quyền quản lý sử dụng, sở hữu và đồng ý để bà H bán căn nhà trên. Sau khi bán xong căn nhà, bà H sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản phần ông được hưởng theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh N trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H, đồng ý chia thừa kế nhà đất trên theo quy định pháp luật. Bà xác định không có đóng

góp công sức và không có sửa nhà nhà đất trên. Bà đang sống tại nhà đất tranh chấp, bà đồng ý chia thừa kế theo giá trị, đồng ý giao nhà cho mẹ bà là bà H toàn quyền quyết định bán để chia di sản của ông V chết để lại cho các đồng thừa kế. Do bận việc nên bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có khiếu nại gì về sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh L có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị Thanh N trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H. Bà xác định không có công sức đóng góp và không có bỏ tiền ra sửa chữa nhà nhà đất trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh N1 trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H, đồng ý chia đều phần di sản thừa kế của ông V chết để lại, đồng ý giao cho bà H toàn quyền quyết định giá trị tài sản, đồng ý để bà H bán nhà đất trên chia thừa kế theo giá trị. Bà đang sống tại nhà đất trên nhưng không có công sức đóng góp công sức sửa chữa gì đối với nhà đất trên. Do bận công việc nên xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc M trình bày:

Bà là vợ của ông Phạm Trường G. Bà M có đăng ký thường trú tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không sống tại nhà đất trên. Bà không liên quan đến vụ án tranh chấp thừa kế nên bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có khiếu nại về sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quang Q trình bày:

Ông là con của ông Phạm Trường G. Ông Q có đăng ký thường trú tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không sống tại nhà đất trên. Ông không liên quan đến vụ án tranh chấp thừa kế nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có khiếu nại về sau.

Tòa án đã tiến hành định giá nhà đất tranh chấp, theo biên bản định giá ngày 29/3/2017 thì giá trị nhà và đất tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là 6.525.969.189 đồng (Sáu tỷ năm trăm hai mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn một trăm tám mươi chín) đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế đối với nhà đất tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu được quản lý sở hữu nhà đất trên, giao cho 06 thừa kế của ông V, mỗi người 1/6 giá trị của 1/2 nhà đất trên theo biên bản định giá ngày 29/3/2017 thì giá trị nhà và đất là 6.525.969.189 đồng. Như vậy, mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế của ông V là 543.830.765 đồng.

Bị đơn ông Phạm Trường A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Trường G, bà Phạm Thị Thanh N có mặt đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đồng ý giao bà H được sở hữu nhà đất trên, bà H có trách nhiệm bán và chia cho các đồng thừa kế khác theo giá trị mỗi người một suất thừa kế là 543.830.765 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xác định căn nhà tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E là tài sản chung của ông V và bà H, 1/2 giá trị căn nhà trên là di sản thừa kế của ông Phạm Văn V. Chia di sản 1/2 giá trị căn nhà cho 06 phần, mỗi người hưởng 543.830.765 đồng, bà H hưởng 3.806.815.359 đồng. Giao căn nhà cho bà H được quản lý, sở hữu và có trách nhiệm thanh toán lại phần giá trị thừa kế cho các đồng thừa kế khác. Trường hợp bà H không có khả năng thanh toán thì phát mãi căn nhà, các đồng thừa kế được quyền ưu tiên mua căn nhà nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, ông Phạm Trường A vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Bà Phạm Thị Thanh N1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[1.2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Căn cứ đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp thừa kế tài sản” theo Khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh L đang định cư tại nước ngoài. Căn cứ Khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Xét quan hệ tranh chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án là đúng.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Phạm Văn V chết năm 2013, nguyên đơn có đơn khởi kiện ngày 10/11/2015 yêu cầu chia thừa kế của ông V. Căn cứ Điều 623 Bộ Luật dân sự 2015, xét thấy việc khởi kiện của nguyên đơn còn trong thời hạn khởi kiện.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nhà và đất tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 019447, số vào sổ cấp GCN: CH00711 do Ủy ban nhân dân quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2012 thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị Thanh H và ông Phạm Văn V (chết ngày 03/7/2013). Ông V chết không để lại di chúc. Như vậy, di sản của ông V chết để lại được xác định là 1/2 nhà đất tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Phần 1/2 nhà đất còn lại thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Trần Thị Thanh H.

[2.2] Những người được hưởng thừa kế của ông V gồm: Vợ là bà Trần Thị Thanh H và 05 người con là: Ông Phạm Trường G, bà Phạm Thị Thanh N, bà Phạm Thị Thanh N1, ông Phạm Trường A, bà Phạm Thị Thanh L (bà L đang định cư ở Hoa Kỳ). Di sản thừa kế của ông Phạm Văn V là 1/2 nhà đất tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh được chia cho 06 người thừa kế của ông V, mỗi người được hưởng 1/6 di sản.

[2.3] Như vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn bà H yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn V là 1/2 nhà đất tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi người được 1/6 phần di sản của ông V là 1/12 giá trị nhà đất trên là có cơ sở chấp nhận. Phần bà H được hưởng $1/2 + 1/6 = 2/3$ giá trị nhà đất.

[2.4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông G, bà N có mặt đồng ý thống nhất giá trị tài sản của toàn bộ nhà đất tại địa chỉ 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản định giá ngày 29/3/2017 là 6.525.969.189 đồng. Như vậy, phần của bà H được hưởng 1/2 giá trị tài sản là: 3.262.984.594,5 đồng. 1/2 giá trị nhà đất còn lại là di sản thừa kế của ông V để lại không có di chúc là: 3.262.984.594,5 đồng. Di sản này được chia đều theo pháp luật cho 06 người thừa kế gồm bà H và 05 người con là ông G, ông A, bà L, bà N và bà N1, mỗi người được hưởng là 543.830.765 đồng. Như vậy, phần giá trị tài sản bà H được hưởng: $1/2 + 1/6 = 2/3$ giá trị căn nhà là 3.806.815.359 đồng.

[2.5] Do bà H được hưởng giá trị nhà nhiều hơn và là người đang quản lý, sử dụng nhà nên bà H yêu cầu được quản lý, sở hữu và được quyền bán căn nhà địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh và có trách nhiệm thanh toán lại phần giá trị thừa kế cho các đồng thừa kế khác, mỗi suất thừa kế là 543.830.765 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.6] Đối với suất thừa kế của bà Phạm Thị Thanh L đang định cư ở nước ngoài, tạm giao cho bà H quản lý. Khi nào bà L có yêu cầu thì bà H có trách nhiệm giao lại.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Trường G, bà Phạm Thị Thanh N, bà Phạm Thị Thanh L có bà N đại diện thống nhất đồng ý nhận suất thừa kế của ông V bằng giá trị là số tiền 543.830.765 đồng, đồng ý giao nhà đất địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà H toàn quyền định đoạt, sở hữu, bán nhà để chia thừa kế theo pháp luật và cùng xác định không có

công sức đóng góp, bảo quản, sửa chữa và quản lý, giữ gìn di sản, chi phí nuôi dưỡng, mai táng ông V nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Xét, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao nhà đất địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà H được sở hữu nhà đất, được quyền bán nhà đất trên. Bà H có trách nhiệm giao cho các đồng thừa kế khác mỗi suất thừa kế là 543.830.765 đồng. Thi hành trong thời hạn 06 tháng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Quá thời hạn trên nếu bà H không bán được nhà để chia cho các thừa kế thì các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi nhà đất trên để phân chia bằng giá trị như nhận định trên. Hiện tại, bà H, bà N, bà N1 và ông A đang ở tại nhà đất trên, nên khi bà H giao tiền đầy đủ cho các đồng thừa kế trên thì những người đang ở tại nhà đất trên phải di chuyển đi nơi khác, giao nhà cho bà H toàn quyền sở hữu, sử dụng.

[5] Đối với bị đơn ông Phạm Trường A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai không đồng ý bán nhà đất trên để chia thừa kế, hiện tại ông đang ở tại nhà đất trên, ông yêu cầu chia cho ông một khoản đất trên diện tích nhà đất đang ở để thờ phụng cha mẹ.

Xét thấy: Nhà đất trên diện tích nếu chia bằng hiện vật thì phần ông A được hưởng là 1/12 của tổng diện tích đất bằng 12m², phần diện tích đất này quá nhỏ, không thể tách thửa được. Mặt khác, nếu phân chia nhà đất bằng hiện vật sẽ ảnh hưởng đến công trình chung, không bán được hoặc bán phần chênh lệch còn lại cũng không có giá trị nên ý kiến của ông A xin chia đất là không được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được chia thừa kế đều phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Bà H được hưởng 3.806.815.359 đồng nên phải chịu án phí là 108.136.307 đồng. Các thừa kế khác gồm ông G, bà N, bà L, bà N1, ông A mỗi người được hưởng 543.830.765 đồng thì phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 25.753.230 đồng.

[8] Về chi phí định giá: Bà H đã tạm ứng chi phí định giá nhà là 2.000.000 đồng, bà H tự nguyện chịu, đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 35, Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 674, 675, 676, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Pháp lệnh án phí lệ phí năm 2009 của Chính phủ;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H về việc chia thừa kế tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Xác định nhà và đất tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 019447, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00711 của Ủy ban nhân dân quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2012 cho ông Phạm Văn V và bà Trần Thị Thanh H. Nhà đất trị giá là 6.525.969.189 (Sáu tỷ năm trăm hai mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn một trăm tám mươi chín) đồng là tài sản chung của ông Phạm Văn V và bà Trần Thị Thanh H.

2. Xác định 1/2 giá trị nhà đất tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Phạm Văn V chết để lại. Xác định 1/2 giá trị nhà đất còn lại là tài sản của bà Trần Thị Thanh H.

3. Xác định những người thừa kế được hưởng di sản của ông Phạm Văn V gồm: Vợ là bà Trần Thị Thanh H và 05 người con chung là ông Phạm Trường G, bà Phạm Thị Thanh N, bà Phạm Thị Thanh N1, bà Phạm Thị Thanh L và ông Phạm Trường A.

4. Di sản của ông Phạm Văn V được chia như sau:

- Ông Phạm Trường G được hưởng 01 suất thừa kế của ông V 1/6 di sản là 1/12 giá trị nhà đất tương đương 543.830.765 (Năm trăm bốn mươi ba triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng.

- Bà Phạm Thị Thanh N được hưởng 01 suất thừa kế của ông V 1/6 di sản là 1/12 giá trị nhà đất tương đương 543.830.765 (Năm trăm bốn mươi ba triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng.

- Bà Phạm Thị Thanh N1 được hưởng 01 suất thừa kế của ông V 1/6 di sản là 1/12 giá trị nhà đất tương đương 543.830.765 (Năm trăm bốn mươi ba triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng.

- Ông Phạm Trường A được hưởng 01 suất thừa kế của ông V 1/6 di sản là 1/12 giá trị nhà đất tương đương 543.830.765 (Năm trăm bốn mươi ba triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng.

- Bà Phạm Thị Thanh L được hưởng 01 suất thừa kế của ông V 1/6 di sản là 1/12 giá trị nhà đất tương đương 543.830.765 (Năm trăm bốn mươi ba triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng. Phần tài sản thừa kế của bà L tạm giao cho bà Trần Thị Thanh H quản lý, khi nào bà L có yêu cầu thì bà H có trách nhiệm giao lại cho bà L.

- Bà Trần Thị Thanh H được hưởng thừa kế là 543.830.765 đồng + phần tài sản của bà là 3.262.984.594 đồng, tổng cộng là 3.806.815.359 (Ba tỷ tám trăm lẻ sáu triệu tám trăm mười lăm nghìn ba trăm năm mươi chín) đồng.

5. Bà Trần Thị Thanh H được trọn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt nhà đất tại địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H có

trách nhiệm thanh toán cho ông G, bà N, bà N, bà L, ông A mỗi người một suất thừa kế của ông V là 543.830.765 (Năm trăm bốn mươi ba triệu tám trăm ba mươi nghìn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng. Phần của bà Phạm Thị Thanh L tạm giao cho bà Trần Thị Thanh H quản lý, khi nào bà L có yêu cầu thì bà H có trách nhiệm giao lại cho bà L.

Trường hợp bà H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho các thừa kế trên, bà H còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Thi hành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ngay khi bà H thanh toán đủ số tiền trên cho các đồng thừa kế xong, thì bà N, bà N, ông A và những người đang ở tại nhà đất trên phải có trách nhiệm di chuyển đến nơi khác, giao nhà đất cho bà H. Bà H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

7. Quá thời hạn trên, nếu các đương sự không thỏa thuận thi hành án được thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi nhà đất địa chỉ số 344 D, phường H, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi trừ đi các chi phí phát mãi nhà đất, phí thi hành án, các khoản thuế và chi phí khác phát sinh khi thực hiện các thủ tục phát mãi nhà. Số tiền còn lại chia cho đương sự tại Khoản 4 của Quyết định này.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Thanh H phải chịu: 108.136.307 (Một trăm lẻ tám triệu một trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bảy) đồng nhưng được trừ vào số tiền bà H đã tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.250.000 (Sáu triệu hai trăm năm mươi) đồng theo biên lai số AE/2011/02732 ngày 22/04/2016 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hương còn phải nộp thêm là 101.886.307 (Một trăm lẻ một triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm lẻ bảy) đồng.

- Ông Phạm Trường G, bà Phạm Thị Thanh N, bà Phạm Thị Thanh N1, bà Phạm Thị Thanh L, ông Phạm Trường A mỗi người phải chịu: 25.753.231 (Hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn hai trăm ba mươi một) đồng.

9. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với đương sự đang ở nước ngoài và vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (T 25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hằng